

Bản án số: 29/2019/HSST
Ngày: 16-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Hồng Nhung;

Bà Trương Thị Thủy;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Văn Dục - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La
tham gia phiên toà:* Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/HSST ngày 25-03-2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/HSST- QĐ, ngày 02-04-2019 đối với bị cáo:

Lèo Văn D; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1992; tại: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N, xã HL, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 03/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lèo Văn P, sinh năm 1958; con bà: Lò Thị T, sinh năm: 1966; bị cáo có vợ là: Lò Thị L, sinh năm: 1993;

Tiền sự:

- Ngày 26-03-2018 bị Chủ tịch UBND xã HL, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 (ba) tháng về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 18-5-2018, bị Công an thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Trộm cắp tài sản, với số tiền phạt là 1.500.000^d.

Tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 31-01-2019 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại: anh Lò Văn T;** Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Bản N, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.(Có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lò Văn X;** sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Bản N, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ, ngày 19-01-2019, Lèo Văn D đi bộ từ nhà bố mẹ vợ ở bản T, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến nhà anh Lò Văn T (là bạn quen từ trước); trú tại Bản N, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Khoảng 08 giờ cùng ngày D đến nhà T nhưng không thấy ai ở nhà, quan sát xung quanh thì thấy có một chiếc xe mô tô mang BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh đang dựng ở lề đường trước nhà T nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài. D vào nhà T lục soát đồ đạc tìm thấy 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy; 01 chứng nhận bảo hiểm xe mô tô ở trong giỏ treo trên cột nhà gần giường ngủ của gia đình anh T, rồi D cầm giấy tờ ra khỏi nhà và điều khiển xe máy đi về hướng xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Khi đi đến khu vực bản N, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, D đi vào quán sửa xe của anh Lò Văn X, trú tại: Bản N, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La hỏi bán chiếc xe mô tô cùng với giấy tờ cho anh X với số tiền là 2.000.000^d. Sau khi bán được xe, D thuê xe ôm từ bản N, xã BM, huyện Thuận Châu ra xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la rồi đón xe buýt xuống thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La làm thuê và tiêu sài hết số tiền bán xe. Sau khi mua xe xong, anh X đã sửa chữa và thay thế phụ tùng rồi bán xe cho Lò Văn B, trú tại: Bản T, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La với giá 7.000.000^d. Trong quá trình sử dụng chiếc xe máy, B biết được chiếc xe máy là chiếc xe đã bị trộm cắp nên B đã mang xe đến trình báo Công an xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Đến khoảng 15 giờ ngày 30-01-2019 D đi bộ vào nhà anh T thì bị Công an xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến triệu tập làm việc.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Lèo Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như trên.

Ngày 30-01-2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe máy BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng mà Lèo Văn D đã lấy trộm.

Tại kết luận số: 40/HĐGD ngày 30-01-2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết luận: 01 chiếc xe mô tô BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng có giá trị là: 3.400.000^d (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Chiếc xe máy BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng, do anh Lèo Văn D lấy trộm của anh Lò Văn T. Quá

trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu xác định chiếc xe mô tô đăng ký tên Lường Văn T, trú tại: Bản N, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, anh T đã bán xe cho anh T từ tháng 5 năm 2018. Anh T đã cung cấp giấy mua bán xe hợp lệ và có đơn xin lại xe. Tuy nhiên, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La chưa trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lò Văn T.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Lò Văn T đề nghị xin lại chiếc xe mô tô do bị cáo Lèo Văn D trộm cắp của anh. Ngoài ra anh không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy vấn đề bồi thường không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn X yêu cầu bị cáo Lèo Văn D bồi thường tổng số tiền 4.755.000^d, trong đó gồm: 2.000.000^d tiền mua xe từ D và 2.755.000^d tiền sửa chữa thay thế phụ tùng sau khi mua xe. Bị cáo Lèo Văn D chưa bồi thường được.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKS, ngày 25-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lèo Văn D về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lèo Văn D về điều, khoản và tội danh trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lèo Văn D phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lèo Văn D từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lèo Văn D.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lò Văn T xin lại xe do bị cáo trộm cắp và không yêu cầu bồi thường gì thêm do vậy vấn đề dân sự không đặt ra giải quyết.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau: Bị cáo Lèo Văn D tự nguyện bồi thường cho anh Lò Văn X số tiền 2.000.000^d.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị hại anh Lò Văn T:

- Một chiếc xe mô tô BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng;

- Một đăng ký mô tô, xe máy số 008447 mang tên Lường Văn T do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 15-0-2010, tình trạng đã bị rách hỏng;

- Một giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy số: AA 19/1110750 do công ty cổ phần bảo hiểm hàng không cấp ngày 18-01-2018;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của bị hại anh Lò Văn T: Nhất trí như Bản luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX cho anh xin lại xe bị cáo trộm cắp của anh, anh không yêu cầu bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn X: Đề nghị bị cáo Lèo Văn D bồi thường cho anh số tiền anh mua xe của bị cáo mà bị cáo đã tiêu sài hết. Đối với số tiền 2.755.000^d là tiền sửa chữa thay thế phụ tùng sau khi mua xe của bị cáo Lèo Văn D anh không yêu cầu bồi thường. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Ngày 19-01-2019, Lèo Văn D; có nơi cư trú: Bản N, xã HL, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng. Qua định giá tài sản giá trị còn lại là 3.400.000^d của gia đình anh Lò Văn T; trú tại: Bản N, xã CP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tài sản đã thu hồi.

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có đầy đủ điều kiện, đủ căn cứ kết luận bị cáo Lèo Văn D phạm tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 triệu đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

a,.....

b, ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lèo Văn D đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tư lợi cho cá nhân, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm sở hữu, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế, tinh thần của bị hại. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Cần vận dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức án phạt tù từ sáu tháng đến ba năm đối với bị cáo Lèo Văn D.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Song nhân thân bị cáo là người nghiện ma túy, đã có hai tiền sự chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính được coi là nhân thân xấu. Bị cáo do không chịu lao động chính đáng, hám lời nên đã coi thường pháp luật cổ tình phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Nay xét thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, người công dân tốt có ích cho xã hội. Cần lên một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung nhất là công tác phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Bị cáo Lèo Văn D đang bị tạm giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án, vận dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài hình phạt chính là phạt tù bị cáo Lèo Văn D còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự. Nay Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có đủ điều kiện và khả năng thi hành, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Lò Văn X; trú tại: Bản N, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Là người đã mua lại chiếc xe mô tô do Lò Văn D trộm cắp với giá là 2.000.000^d. Và Lò Văn B là người mua lại chiếc xe từ Lò Văn X với giá 7.000.000^d. Sau khi sử dụng B biết được chiếc xe máy là chiếc xe đã bị trộm cắp nên B đã mang xe đến trình báo và tự nguyện giao nộp lại chiếc xe cho Công an, đồng thời Lò Văn X đã trả lại số tiền bán xe cho Lò Văn B là 7.000.000^d. Quá trình điều tra xác định Lò Văn X, Lò Văn B không biết tài sản là do bị cáo Lèo Văn D trộm cắp mà có, phù hợp với lời khai của D. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La không đặt vấn đề xử lý đối với Lò Văn X, Lò Văn B là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Lò Văn T yêu cầu HĐXX xem xét cho anh xin lại chiếc xe mô tô BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng và các giấy tờ liên quan. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm. Do vậy vấn đề bồi thường dân sự giữa bị cáo Lò Văn D và bị hại Lò Văn T không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn X yêu cầu bị cáo Lò Văn D bồi thường số tiền 2.000.000^d là tiền bị cáo bán xe cho anh mà bị cáo đã tiêu sài hết. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn D nhất trí. Xét việc thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn X là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cần được chấp nhận. Buộc bị cáo Lò Văn D bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn X số tiền là 2.000.000^d. Vận dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng:

Đối với 01(một) chiếc xe máy BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 008447 mang tên Lương Văn T do Công an tỉnh Sơn La cấp; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số: AA 19/1110750 là tài sản do bị cáo trộm cắp của anh Lò Văn T. Nay anh T có yêu cầu xin lại xe. Do vậy cần tuyên trả lại xe cho anh Lò Văn T. Vận dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[3]. Về án phí: Bị cáo Lò Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung của Nhà nước. Vận dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lèo Văn D phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lèo Văn D: 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31-01-2019 (Là ngày bắt giam giữ đối với bị cáo).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Lèo Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn X như sau: Bị cáo Lèo Văn D tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn X số tiền 2.000.000^d (hai triệu đồng).

4 .Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị hại anh Lò Văn T:

- Một chiếc xe mô tô BKS: 26F4-8290, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng;

- Một đăng ký mô tô, xe máy số 008447 mang tên Lương Văn T do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 15-4-2010, tình trạng đã bị rách hỏng;

- Một giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy số: AA 19/1110750 do công ty cổ phần bảo hiểm hàng không cấp ngày 18-01-2018;

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136, và khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lèo Văn D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng). Và án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000^d. Tổng cộng là 500.000^d (năm trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Lèo Văn D, bị hại Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn X có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND (02);
- Sở Tư pháp
- CA huyện;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

Lường Thị Hương